TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày: 22 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Nhi**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Ông **Nguyễn Minh Quốc**
2/ Ông **Đàm Kiến Dân**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phiên tòa: Ông **Võ Minh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T (tên thường gọi: C), sinh năm 1989. Giới tính: Nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp GL2, xã TH, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 2/12; con ông: Trần Hồng S, sinh năm 1952 và bà: Lâm Thị C, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987, ngụ ấp GL2, xã TH, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang; có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018.

- Tiền án, tiền sự: Không.
- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/12/2018; có mặt tại phiên tòa.
- *Bị hại:* Trương Minh H, sinh năm 1994 (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: ấp LPC, xã LHL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Bùi Minh T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: ấp TL, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.
Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã PĐ, huyện CĐ, tỉnh Long An .
2/ Trương Bá L, sinh năm 1966 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 23/11/2018, bị cáo Trần Văn T đến nhà trọ Sáu Du thuộc ấp LH, xã LC, thị xã GC để nhận phòng trọ đã đặt trước đó. Bị cáo T không thấy

chủ nhà trọ nên đi đến phòng trọ đã đặt ngồi đợi. Trong lúc ngồi đợi, bị cáo Thật nhìn thấy anh Trương Minh H đang tạm trú nhà trọ Sáu Du vừa đi làm về dựng 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha loại xe Taurus mang biển kiểm soát 63B4-093.90 trước cửa phòng trọ (đối diện phòng bị cáo thuê trọ), chìa khóa còn để trên xe. Sau đó, anh H đi ra ngoài.

Một lúc sau, bị cáo đi qua phòng trọ của anh H định mượn cây chổi. Bị cáo gõ cửa không nghe ai lên tiếng. Do thấy cửa không khóa nên bị cáo đẩy cửa phòng đi vào trong cũng không thấy ai. Bị cáo nhìn thấy 01 cái máy tính xách tay hiệu Asus để gần cửa nên nảy sinh ý định trộm tài sản. Bị cáo lấy cái máy tính xách tay bỏ vào cái cặp có sẵn trong phòng rồi đi ra ngoài đóng cửa lại. Ra bên ngoài, bị cáo lấy xe mô tô của anh H nổ máy chạy đi. Trên đường đi, bị cáo dừng xe, mở cặp ra kiểm tra thì thấy bên trong còn có thêm 01 cái máy tính bảng màu đen nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab 3 và số tiền 1.380.000 đồng. Sau đó, bị cáo đi đến gần cầu Mỹ Lợi thuộc xã Bình Đông, thị xã Gò Công thuê phòng trọ để cất giấu tài sản trộm được.

Đến ngày 25/11/2018, bị cáo T chạy xe mô tô 63B4-093.90 lên hướng thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến địa phận tỉnh Long An, bị cáo bán máy tính xách tay và máy tính bảng cho 01 tiệm điện thoại dọc đường (không rõ địa chỉ) với giá 2.000.000 đồng sau đó ghé vào 01 quán cà phê dọc đường thuộc huyện Cần Đước, tỉnh Long An và bán xe mô tô 63B4-093.90 cho anh Bùi Minh T (đang ngồi uống cà phê chung quán) với giá 1.800.000 đồng. Số tiền có được bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 05/12/2018 bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công bắt giữ.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha loại xe Taurus mang biển kiểm soát 63B4-093.90.

Theo Kết luận định giá số 32/KL-HĐĐG ngày 05/12/2018 của Hội đồng định giá, tài sản gồm: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA TAURUS, biển số 63B4-093.90 giá 6.300.000 đồng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS (đã qua sử dụng) giá 2.300.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY TAB3 (đã qua sử dụng) giá 1.250.000 đồng. Tổng giá trị: 9.850.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSTXGC, ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công đã truy tố bị cáo Trần Văn T phạm vào tội: "*Trộm cắp tài sản*", được qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung. Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về nhà đi làm phụ giúp gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 ; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo T từ 09 (*chín*) tháng đến 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2018.

Về vật xử lý vật chứng: Ngày 08/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công đã trao trả cho anh H 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B4-093.90 là phù hợp quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; anh Hiếu không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị máy tính xách tay, máy tính bảng và 1.380.000 đồng tiền mặt nên không xem xét nhưng do giá trị tài sản bị cáo trộm là tiền thu lợi bất chính nên

buộc bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước tổng giá trị tài sản theo kết luận định giá là 5.180.000.000đ. Anh Bùi Minh T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.800.000đ (tiền anh Tâm đã mua xe) nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm của mình. Xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về nhà đi làm phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T khai nhận: Khi thấy anh H không có nhà; tài sản của anh H để trong phòng nhưng cửa không khóa; không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Qua giám định, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 11.230.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đồng thời hành vi ấy còn gây hoang mang cho người dân, làm mất trật tự ở địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, khi không có tiền tiêu xài thì cố ý thực hiện tội phạm; thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo tuy có nhân thân không tốt nhưng phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; không có tiền án, không có tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn; tài sản bị cáo trộm đã được thu hồi một phần và trả lại cho bị

hại xong nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, khi lượng hình.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Minh T: Anh T đã mua xe môtô biển kiểm soát 63B4-093.90 của bị cáo bán; do không biết xe bị cáo trộm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp pháp luật. Anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mua xe nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Bá L: Ông L là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu xe môtô biển kiểm soát 63B4-093.90 nhưng ông đã cho xe cho anh H nên không có yêu cầu gì.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho anh H 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA TAURUS, biển số 63B4-093.90 đúng quy định pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với giá trị 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS (đã qua sử dụng) theo kết luận định giá có giá trị là 2.300.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY TAB3 (đã qua sử dụng) theo kết luận định giá có giá trị là 1.250.000 đồng. Giá trị máy tính xách tay, máy tính bảng và tiền mặt bị cáo chiếm đoạt tổng cộng là 5.180.000đ. Do anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét. Tuy nhiên, đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 48 của Bộ luật hình sự.
- Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.
- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.
- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2018.
- Buộc bị cáo Trần Văn T nộp số tiền 5.180.000 (*năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)* đồng, sung vào công quỹ nhà nước, nộp một lần khi án có hiệu lực pháp luật.
- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự TX.Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TX. Gò Công;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Nhi